

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG DỰ ÁN HOÀN THÀNH
(Kèm theo Báo cáo số 128/BC-UBND ngày 09/10/2025 của Ủy ban nhân dân xã Mô Cày)

ĐVT: tỷ đồng

ST T	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm công trình (A, B, C)	Tổng mức đầu tư		Thời gian thực hiện dự án		Giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị phê duyệt quyết toán	Vốn kế hoạch đã bố trí đến thời điểm báo cáo		Vốn đã giải ngân		Vốn đầu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu				Thời gian chậm lập báo cáo QT so với quy định (tháng)	Thời gian chậm thẩm tra quyết toán so với quy định (tháng)	Thời gian chậm phê duyệt quyết toán so với quy định (tháng)	Cơ quan tiếp nhận hồ sơ quyết toán	
				Tổng số	Trong đó: ngân sách trung ương	Khởi công (Tháng /năm)	Hoàn thành (Tháng /năm)			Tổng số	Trong đó: ngân sách trung ương	Tổng số	Trong đó: ngân sách trung ương	Tổng số	Trong đó:							
															NS trung ương	NS tỉnh	NS cấp xã					Khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
I	Dự án đã được phê duyệt quyết toán																					
1	Đường BTXM ngõ xóm thôn 2; Hạng mục: Tuyến Ông Lễ- Ông A, Tuyến Ông Hùng- Ông Đứng, Ông Phê- Ông Tám	UBND xã Mô Cày	C	0,172766		09/2024	11/2024	0,1672660	0,1672660	0,1243240		0,0859		0,0429420				0,0429420				Tổ thẩm tra quyết toán DAHT xã Đức Chánh
2	Đường BTXM ngõ xóm thôn 4; Hạng mục: Tuyến Ông Min- Ông Công, Tuyến Ông Báo- Ông Tuấn	UBND xã Mô Cày	C	0,078503		12/2024	12/2024	0,0429325	0,0429325	0,0333651		0,0237975		0,0095674				0,0095674				
3	Đường BTXM ngõ xóm thôn 5; HM: Tuyến Ô.Chính- Ô.Chánh, Tuyến Thủy Lợi- Ô.Thời, Tuyến Ô.Sờ- Ô.Quới, Tuyến B.Dầu- Ô.Đẹp, Tuyến Ô.Quyên- Ô. Điệp, Tuyến Ô.Chính- Ô.Tín, Tuyến Ô.Bích- Ô.Phiên	UBND xã Mô Cày	C	0,764401		09/2024	11/2024	0,7254720	0,7254720	0,5611050		0,3967370		0,1643670				0,1643670				
4	Đường BTXM ngõ xóm thôn 6; HM: Tuyến Ông Long- Lữ Thanh Tuấn, Tuyến Ông Thóa- Ông Lương, Tuyến Ông Bình- Ông	UBND xã Mô Cày	C	0,345959		09/2024	12/2024	0,3296680	0,3296680	0,2525470		0,1796770		0,0771210				0,0771210				
5	Tuyến KDC số 8- Phạm Đức Quán	UBND xã Mô	C	0,214081		09/2024	11/2024	0,2078400	0,2078400	0,1717190		0,0987430		0,0361210				0,0361210				
6	Tuyến 6 Đà - Ông Dân Sĩ	UBND xã Mô	C	0,227581		09/2024	11/2024	0,2153160	0,2153160	0,1774720		0,0967150		0,0378440				0,0378440				
7	Đường BTXM ngõ xóm thôn 1; Hạng mục: Tuyến Bà Mai- Ông Đình, Tuyến Ông Trúc- bà Thương, Tuyến Bà Lan- Ông Thom, Tuyến Bà Xương- Ông Văn	UBND xã Mô Cày	C	0,535630		09/2024	12/2024	0,5133153	0,5133153	0,3198013		0,1986883		0,1935140				0,1935140				
8	KCH kênh S18-2- vượt cấp (GD 2)	UBND xã Mô	C	0,84	0,672	05/2023	12/2024	0,7829310	0,7829310	0,7829310	0,672	0,7829340	0,672	0,0381880				0,0381880				Phòng
9	KCH Kênh Đồng Đông	UBND xã Mô	C	0,96	0,768	05/2023	12/2024	0,912	0,912	0,9120000	0,768	0,8928000	0,768	0,0432000				0,0432				TCKH
10	Trường Mầm non xã Đức Minh; Hạng mục: 03 phòng chức năng	UBND xã Mô Cày	C	1	0,8	02/2024	2/2025	1	1	1	0,8	1	0,8									UBND xã Đức Minh
11	Đ. Xã: Nâng cấp, mở rộng BTXM tuyến Gò Rộc-Đạm Thủy Bắc; Hạng mục: Nền, mặt đường	UBND xã Mô Cày	C	0,5	0,4	12/2024	08/2025	0,5	0,498	0,498	0,4	0,498	0,4									UBND xã Đức Minh
II	Dự án đã nộp hồ sơ quyết toán, chưa được phê duyệt quyết toán																					
1	Vùng sản xuất nông nghiệp, xã Đức Minh	UBND xã Mô Cày	C	3		02/2022	03/2025	3		2,931		1,44		1,491			1,491					Phòng Kinh tế xã Mô Cày

[illegible]

**TỔNG HỢP DANH MỤC DỰ ÁN ĐÃ HẾT THỜI GIAN THỰC HIỆN NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN
NGHIỆM THU HOÀN THÀNH ĐƯA VÀO SỬ DỤNG**

(Đến hết ngày 30/9/2025)

(Kèm theo văn bản số ...ngày..../..../2025 của...)

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm công trình (A, B, C)	Tổng mức đầu tư (Tỷ đồng)	Thời gian thực hiện dự án theo Quyết định phê duyệt		Tiến độ thực hiện dự án (%)	Lý do chưa nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng	Kế hoạch thực hiện để hoàn thành dự án
					Khởi công (Năm)	Hoàn thành (Năm)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Dự án A		B						
2	Dự án:								
.									
.									

DANH MỤC DỰ ÁN CÒN NHU CẦU THANH TOÁN SAU PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN
(Đến hết ngày 30/9/2024)

(Kèm theo Báo cáo số 128/BC-UBND ngày 09/10/2025 của Ủy ban nhân dân xã Mỏ Cày)

DVT: tỷ đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt quyết toán		Nhu cầu bố trí vốn					Ghi chú
			Số; ngày, tháng năm	Giá trị quyết toán	Tổng số	Trong đó:				
						NS trung ương	NS tỉnh		NS cấp xã	
1	Đ.thôn: Tuyến Ngõ Ông Tô - Ngõ Bà Ngọc - Ngõ Ông Ổ	Phòng Kinh tế xã Mỏ Cày	435/QĐ-UBND, 31/12/2021	0,290979	0,02				0,02	
2	Đ.thôn: Tuyến Trường TH Mỏ Cày - Ngõ Ông Mỹ	Phòng Kinh tế xã Mỏ Cày	368/QĐ-UBND, 07/12/2021	0,485443	0,03				0,03	
3	Đ.thôn: Tuyến Ngõ ông Hai - Ngõ Bà Kề	Phòng Kinh tế xã Mỏ Cày	430/QĐ-UBND, 31/12/2021	0,684065	0,01				0,01	
4	Đ.thôn: Tuyến Ngõ Ông Trữ - Ngõ Ông Ba Tới	Phòng Kinh tế xã Mỏ Cày	223/QĐ-UBND, 31/3/2022	0,437942	0,01				0,01	
5	Đ.thôn: Tuyến Ngõ Bà Thơm - Ngõ Ông Văn	Phòng Kinh tế xã Mỏ Cày	432/QĐ-UBND, 31/12/2021	0,412023	0,03				0,03	
6	Đ.thôn: Ngõ ông Thạch - Ngõ bà Đông	Phòng Kinh tế xã Mỏ Cày	426/QĐ-UBND, 31/12/2021	0,270790	0,06				0,06	
7	Đ.thôn: Tuyến Ngõ bà Hoàng - Ngõ ông Phong	Phòng Kinh tế xã Mỏ Cày	424/QĐ-UBND, 31/12/2021	1,011403	0,03				0,03	
8	KCH Kênh S18-2.3 - Ruộng ông Hoanh	Phòng Kinh tế xã Mỏ Cày	258/QĐ-UBND, 22/10/2021	0,852582	0,04				0,04	
9	KCH Kênh S18-6.3	Phòng Kinh tế xã Mỏ Cày	438/QĐ-UBND, 31/12/2021	0,995550	0,04				0,04	
10	KCH Kênh S18-2.7 - Cống Lô 44	Phòng Kinh tế xã Mỏ Cày	439/QĐ-UBND, 31/12/2021	0,867730	0,02				0,02	
11	KCH Kênh S18-8 - Đồng Tranh	Phòng Kinh tế xã Mỏ Cày	218/QĐ-UBND, 31/3/2022	0,794961	0,08				0,08	
12	Quốc lộ 1A - Chán tư ruộng	Phòng Kinh tế xã Mỏ Cày	312/QĐ-UBND, 08/8/2022	0,338464	0,03				0,03	
13	Ngõ Ông Thanh - Mương Rút Phước Lai	Phòng Kinh tế xã Mỏ Cày	308/QĐ-UBND, 08/8/2022	0,161634	0,02				0,02	
14	Mương Cây Xanh - Bờ Bao	Phòng Kinh tế xã Mỏ Cày	313/QĐ-UBND, 08/8/2022	0,168715	0,01				0,01	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt quyết toán		Nhu cầu bố trí vốn				Ghi chú	
			Số; ngày, tháng năm	Giá trị quyết toán	Tổng số	Trong đó:				
						NS trung ương	NS tỉnh			NS cấp xã
15	Ngõ Bà Lan - Mương Bàu Trâm	Phòng Kinh tế xã Mô Cày	309/QĐ-UBND, 08/8/2022	0,186414	0,02				0,02	
16	KCH Kênh S18.8	Phòng Kinh tế xã Mô Cày	219/QĐ-UBND, 31/3/2022	1,111923	0,04				0,04	
17	KCH Kênh S18-2.5 - Phạm Quang Lộ (Lộc Sơn - Gò Dúi)	Phòng Kinh tế xã Mô Cày	220/QĐ-UBND, 31/3/2022	1,101712	0,20				0,20	
18	ĐNĐ. Tuyến Kênh S18-1- Mương con Lươn	Phòng Kinh tế xã Mô Cày	472/QĐ-UBND, ngày 31/12/2021	0,503592	0,21				0,21	
19	Hệ thống điện vào vùng cây ăn quả xã Đức Chánh (GD 2)	Phòng Kinh tế xã Mô Cày	467/QĐ-UBND, 31/12/2021	0,952105	0,05				0,05	
20	Hệ thống điện vào vùng cây ăn quả xã Đức Chánh	Phòng Kinh tế xã Mô Cày	468/QĐ-UBND, 31/12/2021	0,951809	0,04				0,04	
21	Đường xã Ngõ Ông Muộn- Ngõ ông Mẫn	Phòng Kinh tế xã Mô Cày	466/QĐ-UBND, 31/12/2021	1,043426	0,17				0,17	
22	Sửa chữa tuyến đường Ngõ ông Ngọc đi bãi xử lý rác thải xã Đức Chánh gđ 2	Phòng Kinh tế xã Mô Cày	469/QĐ-UBND, ngày 31/12/2021	1,148281	0,05				0,05	
23	Nâng cấp, sửa chữa đường vào hồ xử lý rác thải xã Đức Chánh	Phòng Kinh tế xã Mô Cày	470/QĐ-UBND, ngày 31/12/2021	0,865789	0,03				0,03	
24	Sân xuất rau, củ quả trên đất cát thôn 4, xã Đức Chánh	Phòng Kinh tế xã Mô Cày	129a/QĐ-UBND, ngày 22/7/2019	0,957683	0,04				0,04	
25	ĐNĐ. Tuyến Kênh S18- Nhà ông Việt	Phòng Kinh tế xã Mô Cày	474/QĐ-UBND, ngày 31/12/2021	0,335012	0,16				0,16	
26	Đ.xã: BTXM tuyến Cây Da - Cống Thợ Xưa (GD3)	Phòng Kinh tế xã Mô Cày	209/QĐ-UBND, ngày 30/11/2023	0,674872	0,04				0,04	
27	KCH kênh S18-2- vượt cấp (GD 2)	Phòng Kinh tế xã Mô Cày	100/QĐ-UBND, ngày 22/4/2025	0,782931	0,04				0,04	
28	KCH Kênh Đồng Đông	Phòng Kinh tế xã Mô Cày	152/QĐ-UBND, ngày 9/6/2025	0,912	0,03				0,03	
29	Tuyến Gò Quýt- Ngõ Ông Ba	Phòng Kinh tế xã Mô Cày	Số 247/QĐ-UBND, ngày 30/12/2023	0,257181197	0,01				0,01	
30	Tuyến Ngõ Ông Thắng- Ngõ Bà Lư	Phòng Kinh tế xã Mô Cày	Số 249/QĐ-UBND, ngày 30/12/2023	0,109091476	0,01				0,01	
31	Tuyến Cây Xanh- Ngõ Ông Vinh	Phòng Kinh tế xã Mô Cày	Số 248/QĐ-UBND, ngày 30/12/2023	0,070167549	0,05				0,05	
32	Tuyến Nguyễn Trãi- KDC số 6 (GD 2)	Phòng Kinh tế xã Mô Cày	Số 245/QĐ-UBND, ngày 30/12/2023	0,367330545	0,03				0,03	
33	Tuyến Bà Ngừ- Ngõ ông Tuấn	Phòng Kinh tế xã Mô Cày	Số 246/QĐ-UBND, ngày 30/12/2024	0,267776229	0,04				0,04	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt quyết toán		Nhu cầu bố trí vốn					Ghi chú
			Số; ngày, tháng năm	Giá trị quyết toán	Tổng số	Trong đó:				
						NS trung ương	NS tỉnh		NS cấp xã	
34	Đường BTXM ngõ xóm thôn 2; Hạng mục: Tuyến Ông Lễ- Ông A, Tuyến Ông Hùng- Ông Đùng, Ông Phê- Ông Tám	Phòng Kinh tế xã Mô Cày	56/QĐ-UBND, ngày 28/02/2025	0,167266	0,01				0,01	
35	Đường BTXM ngõ xóm thôn 4; Hạng mục: Tuyến Ông Min- Ông Công, Tuyến Ông Bảo- Ông Tuấn	Phòng Kinh tế xã Mô Cày	61/QĐ-UBND, ngày 28/02/2025	0,0429323	0,16				0,16	
36	Đường BTXM ngõ xóm thôn 5; HM: Tuyến Ô.Chính- Ô.Chánh, Tuyến Thủy Lợi- Ô.Thời, Tuyến Ô.Sờ- Ô.Quới, Tuyến B.Dầu- Ô.Đẹp, Tuyến Ô.Quyên- Ô.Điệp, Tuyến Ô.Chính- Ô.Tín, Tuyến Ô.Bích- Ô.Phiên	Phòng Kinh tế xã Mô Cày	57/QĐ-UBND, ngày 28/02/2025	0,725472	0,07				0,07	
37	Đường BTXM ngõ xóm thôn 6; HM: Tuyến Ông Long- Lữ Thanh Tuấn, Tuyến Ông Thỏa- Ông Lương, Tuyến Ông Bình- Ông Tám	Phòng Kinh tế xã Mô Cày	60/QĐ-UBND, ngày 28/02/2025	0,329668	0,03				0,03	
38	Tuyến KDC số 8- Phạm Đức Quán	Phòng Kinh tế xã Mô Cày	58/QĐ-UBND, ngày 28/02/2025	0,207840	0,03				0,03	
39	Tuyến 6 Đà - Ông Dân Sĩ	Phòng Kinh tế xã Mô Cày	55/QĐ-UBND, ngày 28/02/2025	0,215316	0,12				0,12	
40	Đường BTXM ngõ xóm thôn 1; Hạng mục: Tuyến Bà Mai- Ông Đính, Tuyến Ông Trúc- bà Thương, Tuyến Bà Lan- Ông Thơm, Tuyến Bà Xương- Ông Vân	Phòng Kinh tế xã Mô Cày	59/QĐ-UBND, ngày 28/02/2025	0,513315280	0,27				0,27	